

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 03 - 2018

“V/v Ly hôn, nuôi con chung
và cấp dưỡng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Ba

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Trà

2. Ông Phạm Xoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly Na - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 03 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng – Số 24 đường Hoàng Văn Thụ, phường Phước Ninh quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm: 1978 – Nơi ĐKKHKT: Xóm H, thôn V, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. Có mặt.

* *Bị đơn:* Bà Trần Thị Mỹ T - Sinh năm: 1978 – Nơi ĐKKHKT tại: Số K34/4 đường L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2017, bản khai và trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi và bà Trần Thị Mỹ T đăng ký kết hôn vào ngày 15/7/2014 tại Ủy ban Nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chúng tôi chung sống tại xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định cho đến năm 2015. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, tôi đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng không thể hàn gắn được, gia đình hai bên cũng khuyên giải nhưng vẫn không mang lại kết quả, thêm vào đó mâu thuẫn giữa mẹ tôi và vợ tôi làm cho mâu thuẫn của vợ chồng chúng tôi càng trầm trọng hơn, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà T.

** Về con chung:* Vợ chồng chúng tôi có 01 con chung tên là Nguyễn Trọng Đ – Sinh ngày: 27/02/2016.

Ly hôn, tôi có giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên và tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tại phiên toà hôm nay tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con từ tháng 1/2017 đến tháng 11/2017 với số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

** Về tài sản chung:* Vợ chồng chúng tôi không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Về nợ chung:* Vợ chồng chúng tôi không nợ ai và không ai nợ chúng tôi, nên không đề cập giải quyết.

Tại các bản khai và tại các phiên hòa giải bị đơn bà Trần Thị Mỹ T trình bày:

** Về quan hệ hôn nhân:* Bà T thống nhất với lời trình bày của ông T về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và về nơi sống sau khi kết hôn.

Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn, mà do sự can thiệp quá nhiều của mẹ ông T vào cuộc sống của vợ chồng, từ đó vợ chồng bất hoà, sau khi sinh con bà T đã về nhà ba mẹ ruột tại K34/14 L Đà Nẵng sống cho đến nay. Dù vợ chồng ly thân nhưng bà T vẫn còn tình cảm với ông T nên bà không đồng ý ly hôn.

Nhưng nếu ông T trả cho bà T tiền cấp dưỡng nuôi con từ tháng 01 năm 2017 cho đến tháng 11 năm 2017 với số tiền là 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng) thì bà T sẽ thống nhất thuận tình ly hôn.

** Về con chung:* Vợ chồng chúng tôi có 01 con chung tên là Nguyễn Trọng Đ – Sinh ngày: 27/02/2016.

Vì bà T không đồng ý ly hôn nên vấn đề con chung bà không đặt vấn đề giải quyết.

Nhưng khi ông T giao cho bà đủ số tiền 33.000.000đ thì bà thuận tình ly hôn, về con chung bà sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng từ khi có quyết định ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

** Về tài sản chung:* Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

* *Về vợ chung*: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bà Trần Thị Mỹ T nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Mỹ T.

[II] Về nội dung

[1] Về Quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Mỹ T có đăng ký kết hôn vào ngày 15/7/2014 tại Ủy ban Nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện do vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông T đối với bà T, HĐXX thấy sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, và mâu thuẫn giữa mẹ ông T và bà T làm cho mâu thuẫn giữa ông T và bà T trầm trọng hơn, ông bà đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau, ông T cho rằng không còn yêu thương gì bà T nữa nên ông đề nghị giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về phía bà T cho rằng bà con tình cảm với ông T nên không đồng ý ly hôn, nhưng nếu ông T giao cho bà tiền cấp dưỡng nuôi con từ T1/2017 đến T11/2017 với số tiền là 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng thì bà thống nhất thuận tình ly hôn.

Qua xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn của ông T và bà T địa phương không nắm được

HĐXX thấy hiện nay ông T sinh sống ở Nam Định, bà T sống tại Đà Nẵng từ năm cuối năm 2016, ông bà không chung sống cùng nhau, không quan tâm gì đến nhau, việc ai người đó làm, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục, cuộc sống chung không tồn tại, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc khác bà T sẽ thuận tình ly hôn nếu ông T giao tiền cấp dưỡng nuôi con trong thời gian 11 tháng (T1/2017 đến T11/2017). Do vậy HĐXX thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn T đối với bà Trần Thị Mỹ T là có cơ sở phù hợp với các quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. Quan hệ con chung: Ông Nguyễn Văn T đối với bà Trần Thị Mỹ T có một con chung là Nguyễn Trọng Đ – Sinh ngày: 27/02/2016.

Xét yêu cầu giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

HĐXX thấy theo quy định con dưới 36 tháng tuổi phải giao cho mẹ là người trực tiếp nuôi dưỡng trừ trường hợp có sự thỏa thuận của người mẹ, hiện nay cháu Đ đang ở với bà T nên việc giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ, từ khi án có hiệu lực đến khi con chung đủ 18 tuổi là có cơ sở phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 11 năm 2017 với số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Việc cấp dưỡng này của ông T là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật nên HĐXX chấp nhận là có cơ sở.

[3] *Quan hệ tài sản chung*: Vợ chồng ông T bà T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Vợ chồng ông T bà T không nợ ai và không ai nợ ông bà nên không đề cập giải quyết.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Theo khoản 1, khoản 2 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con ông Nguyễn Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về quyền và nghĩa vụ của các đương sự đã được đảm bảo theo đúng các quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam

Đề nghị HĐXX giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn của ông Nguyễn Văn T đối với bà Trần Thị Mỹ T.

Xử cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Trần Thị Mỹ T.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trọng Đ – Sinh ngày: 27/02/2016 cho bà Trần Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Quan hệ tài sản chung: Vợ chồng ông T bà T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng ông T bà T không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, nên không đề cập giải quyết.

Như đã phân tích thì HĐXX chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ khoản 1, khoản 2 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng” của ông Nguyễn Văn T đối với bà Trần Thị Mỹ T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Trần Thị Mỹ T.

2. Quan hệ con chung: Xử giao con chung tên Nguyễn Trọng Đ – Sinh ngày: 27/02/2016 cho bà Trần Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ, từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Sau này vì quyền lợi của con chung các bên vẫn có quyền thỏa thuận hoặc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con từ tháng 1/2017 đến tháng 11/2017 cho bà Trần Thị Mỹ T với số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì phải trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Quan hệ tài sản chung: Vợ chồng ông T bà T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Vợ chồng ông T bà T không nợ ai và không ai nợ vợ chồng ông bà nên không đề cập giải quyết.

5. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Văn T phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là

300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 9786 ngày 11/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

- Án phí cấp dưỡng ông Nguyễn Văn T phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, tp Đà Nẵng
- Ủy ban nhân dân xã Đ
Huyện N, tỉnh Nam Định
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Thu Ba

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nơi nhận
- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân
quận Hải Châu, tp Đà Nẵng
- Ủy ban nhân dân phường
Bình Thuận, q Hải Châu, tp Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Ba